TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/DS-ST
Ngày 05 tháng 3 năm 2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ tiền hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Hồ Quang Minh**

2. Ông **Trịnh Văn Điệp**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Nga Muội** - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà **Võ Hồng Luyến** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2018/TLST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2018 về: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ tiền hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 288/2018/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2018 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử bổ sung số: 441/2018/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Hồng C**, sinh năm 1973.

Trú tại: Khóm 5, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn*: Bà **Trần Thị Q**, sinh năm 1953.

Trú tại: Ấp 5, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

(Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Nguyên đơn bà **Nguyễn Hồng C** trình bày:*

Vào ngày 09/01/2018, bà Q có mượn bà số tiền 2.000.000 đồng.

Vào ngày 21/02/2018 bà Q có làm biên nhận chốt nợ. Bà Q thừa nhận có nợ bà số tiền 89.000.000 đồng.

Tổng cộng 02 lần mượn số tiền 91.000.000 đồng.

Từ khi mượn tiền đến nay bà Trần Thị Q vẫn chưa trả cho bà.

Vào ngày 29/5/2016 âm lịch bà có mở dây hụi 2.000.000 đồng, hụi gồm 33 chưng, bà Trần Thị Q có tham gia 01 chưng, bà Q đã hốt vào ngày 29/5/2016 âm lịch. Bà Q có đóng hụi chết từ ngày hốt hụi cho đến tháng 6/2017 âm lịch.

Từ tháng 6/2017 đến thời điểm mãn hụi tháng 02/2019 âm lịch bà Q còn nợ 20 lần hụi chết số tiền 40.000.000 đồng.

Nay, bà khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Q trả cho bà tiền mượn 91.000.000 đồng và tiền nợ hụi 40.000.000 đồng. Tổng cộng: 131.000.000 đồng.

- *Bị đơn bà **Trần Thị Q** trình bày*:

Giữa bà và bà C có giao dịch vay tiền và chơi hụi như bà C trình bày.

Biên nhận ngày 21/02/2018 là chữ ký của bà.

Tuy nhiên, việc bà C khởi kiện buộc bà trả số tiền 91.000.000 đồng tiền mượn và 40.000.000 đồng tiền nợ hụi bà không đồng ý. Bà chỉ còn thiếu bà C 91.000.000 đồng, bao gồm: Tiền vay 50.000.000 đồng, vay thêm 2.000.000 đồng, cộng với tiền lãi, tiền của dây hụi ngày 29/5/2016 âm lịch với số tiền 39.000.000 đồng. Nay, bà đồng ý trả cho bà Nguyễn Hồng C số tiền 91.000.000 đồng.

Trong phần tranh luận, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tỉnh Cà Mau phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Trần Thị Q trả số tiền 131.000.000 đồng (trong đó: Tiền vay là 91.000.000 đồng, tiền hụi 40.000.000 đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn bà Trần Thị Q vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; xét xử vắng mặt đối với bà Trần Thị Q theo quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Bị đơn bà Trần Thị Q có nơi cư trú tại ấp 5, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh

Cà Mau theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Nguyên đơn bà Nguyễn Hồng C khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trần Thị Q trả tiền vay và tiền nợ hụi nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "Tranh chấp là hợp đồng vay tài sản và nợ tiền hụi" theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 31 - Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biêu, phường.

[4] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, bà C yêu cầu bà Q trả tiền vay theo Biên nhận ngày 21/02/2018 số tiền là 89.000.000 đồng và 2.000.000 đồng bà Q đã vay thêm, tổng cộng 91.000.000 đồng và 40.000.000 đồng tiền nợ hụi của dây hụi ngày 29/5/2016 âm lịch. Tổng cộng với số tiền 131.000.000 đồng.

Trong quá trình làm việc, bà Q thừa nhận có giao dịch vay tiền và chơi hụi đúng như bà C trình bày. Bà Q thừa nhận Biên nhận ngày 21/02/2018 là chữ ký và chữ viết của bà. Tuy nhiên, bà Q xác định khoản tiền 91.000.000 đồng và 40.000.000 đồng tiền hụi mà bà C yêu cầu bà trả bao gồm: Tiền vay 50.000.000 đồng, vay thêm 2.000.000 đồng, cộng với tiền lãi, tiền của dây hụi ngày 29/6/2016 âm lịch với số tiền 39.000.000 đồng. Tổng cộng 91.000.000 đồng và bà đồng ý trả.

Đối với khoản vay ngày 09/01/2018, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa ngày 21/11/2018, bà Q thừa nhận có vay của bà C số tiền 2.000.000 đồng nhưng hai bên không có làm giấy tờ. Do đó, lời thừa nhận này là chứng cứ có thật theo quy định Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với khoản vay ngày 21/02/2018, theo bà C xác định, sau khi bà Q vay 2.000.000 đồng ngày 09/01/2018, bà Q có vay thêm 89.000.000 đồng có làm biên nhận ngày 21/02/2018. Tổng cộng là 91.000.000 đồng. Bà Q thừa nhận, bà chỉ thiếu bà C 91.000.000 đồng, bao gồm: Tiền vay 50.000.000 đồng, vay thêm 2.000.000 đồng (vay ngày 09/01/2018), cộng với tiền lãi, tiền của dây hụi ngày 29/5/2016 âm lịch với số tiền 39.000.000 đồng. Tuy nhiên, lời trình bày này của bà Q không có cơ sở chấp nhận, bởi bà Q không xuất trình được tài liệu, chứng cứ thể hiện. Tại Biên nhận ngày 21/02/2018 thể hiện: "Bà Trần Thị Q còn thiếu tiền mượn của cháu Cẩm là 89.000.000 đồng", chứ nội dung trong biên nhận này không có thể hiện nội dung như bà Q trình bày. Ngoài ra, bà Q cũng thừa nhận Biên nhận ngày 21/02/2018 là chữ ký của bà và không có yêu cầu giám định chữ ký của bà tại biên nhận này.

Đối với dây hụi ngày 29/5/2016 âm lịch, theo bà C xác định, bà là chủ hụi, bà Q là hụi viên có tham gia 01 chưng, bà Q đã hốt vào ngày 29/5/2016 âm lịch, số tiền 39.650.000 đồng (đã trừ tiền cò), bà Q có đóng hụi chết đến ngày 29/6/2017 âm lịch, số tiền 26.000.000 đồng, đến tháng 02/2019 âm lịch mãn hụi, bà Q còn thiếu tiền hụi chết là 20 lần tương đương số tiền 40.000.000 đồng. Bà Q, thừa nhận có giao dịch hụi với bà C, nhưng bà chỉ tham gia hụi của bà Q loại hụi 23 chưng, không phải 33 chưng như bà C trình bày. Tại phiên tòa, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, bà C có

cung cấp cho Tòa án danh sách tên của dây hụi ngày 29/5/2016 âm lịch. Tại các biên bản xác minh của Tòa án vào ngày 25/12/2018 đối với những người có tham gia chơi dây hụi ngày 29/5/2016 âm lịch tại khóm 5, thị trấn S, huyện T, như: Lê Thị U, Nguyễn Thị O và Huỳnh Thị Thùy L đều xác định, bà C là chủ hụi của dây hụi trên, dây hụi mở vào ngày 29/5/2016 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng, gồm 33 chưng, dây hụi trên đến tháng 02/2019 âm lịch mãn hụi. Ngoài ra, tại dây hụi ngày 29/5/2016 âm lịch, bà Q có tham gia chơi hụi thứ tự số 21 tên "Tư Dũng" là chồng của bà Q. Theo bà C xác định, do dây hụi này có hai người tên Quyên nên bà để tên chồng của bị đơn bà Q tên "Tư Dũng" thứ tự số 21 để thuận tiện việc theo dõi hụi. Tại biên bản xác minh của Tòa án ngày 30/10/2018 tại nơi cư trú của bà Q là ấp 5, xã K, huyện T, được chính quyền địa phương xác định, bà Trần Thị Q có chồng tên Đoàn Văn D, tên gọi khác là "Tư Dũng". Như vậy, có cơ sở xác định bà Q có tham gia chơi dây hụi ngày 29/5/2016 âm lịch, loại hụi gồm 33 chưng, đúng như bà C đã trình bày.

Do đó, việc bà C khởi kiện yêu cầu bà Q trả tiền vay với số tiền 91.000.000 đồng và tiền nợ hụi 40.000.000 đồng, tổng cộng là 131.000.000 đồng, là có cơ sở chấp nhận.

Xét, đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở, được chấp nhận.

[5] Về lãi suất: Tại phiên tòa, bà C không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bà Trần Thị Q phải chịu số tiền 6.550.000 đồng (131.000.000 đồng x 5%) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bà Nguyễn Hồng C được hoàn lại số tiền 3.275.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Điều 357; Điều 429; Điều 463 và khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 14, 15, 17, 19, 21, 22, 29, Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biêu, phường; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hồng C về việc yêu cầu bà Trần Thị Q trả số tiền 131.000.000 đồng.

Buộc bà Trần Thị Q trả cho bà Nguyễn Hồng C số tiền 131.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm ba mươi mốt triệu đồng), trong đó tiền vay 91.000.000 đồng và tiền hụi là 40.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà Nguyễn Hồng C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Thị Q không thi hành xong khoản tiền trên, bà Trần Thị Q còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Về án phí: Buộc bà Trần Thị Q phải chịu án phí dân sự có giá ngạch 5% với số tiền 6.550.000 đồng (chưa nộp). Bà Nguyễn Hồng C được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 3.275.000 đồng theo biên lai thu số 0008461 ngày 23/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Án xử sơ thẩm công khai: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Nguyên đơn; Bị đơn (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lâm Thành Quang